|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP  **CỤC KIỂM TRA VĂN BẢN**  **VÀ QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 19/2020/NĐ-CP NGÀY 12/02/2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ KỶ LUẬT TRONG THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính - thay thế Thông tư số 14/2021/TT-BTP (sau đây gọi là dự thảo Thông tư).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức cơ quan chủ trì soạn thảo đã gửi xin ý kiến theo Công văn số 4313/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 18/7/2025: 14 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 34 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố và 06 đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

2. Tổng số ý kiến cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận được tính đến hết ngày 11/8/2025: 10/14 văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ[[1]](#footnote-1); 19/34 văn bản của UBND tỉnh, thành phố[[2]](#footnote-2) và 0/6 văn bản của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

3. Kết quả cụ thể như sau[[3]](#footnote-3):

| **ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM** | **CHỦ THỂ GÓP Ý** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **NỘI DUNG TIẾP THU,**  **GIẢI TRÌNH** |
| --- | --- | --- | --- |
| **DỰ THẢO TỜ TRÌNH** | | | |
| Phần IV, mục 3 dự thảo Tờ trình | Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn | Tại phần IV, mục 3 về nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư:  - Tại điểm (3), đề nghị rà soát trình thống nhất với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2021/TT-BTP là *“sửa đổi, bổ sung”* hay *“thay thế”* nội dung tại điểm b, khoản, 2 Điều 4.  - Tại điểm (4), đề nghị ghi rõ bổ sung 02 hình thức công khai kết luận tại khoản nào của Điều 5 để đồng nhất với nội dung dự thảo Thông tư. | Tiếp thu, chỉnh sửa để bảo đảm tính thống nhất của Tờ trình và dự thảo Thông tư. |
|  | Sở Tư pháp Điện Biên | Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét các nội dung viện dẫn văn bản trong dự thảo bảo đảm theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP | Tiếp thu. |
|  | Sở Tư pháp Hải Phòng | - Tại dự thảo Tờ trình, Thông tư có nêu bố cục của dự thảo Thông tư gồm 03 Điều; trong đó *Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản…;* tuy nhiên, qua rà soát cho thấy dự thảo Thông tư không có quy định được bổ sung. Đề nghị rà soát, chỉnh lý.  - Phạm vi, điều chỉnh của dự thảo Thông tư có quy định về công khai kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; do đó, xem xét bổ sung nội dung viện dẫn Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra tại tiểu mục 1.2 mục 1 Phần I dự thảo Tờ trình (sau nội dung (4) khoản 7 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về kết luận kiểm tra) cho đầy đủ | Tiếp thu. |
| **DỰ THẢO THÔNG TƯ** | | | |
| Khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp Bắc Ninh | Đề nghị bổ sung cụm từ *“ban hành và”* vào trước cụm từ *“điều chỉnh kế hoạch kiểm tra”* để đảm bảo đầy đủ, thống nhất với tiêu đề tại Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Tiếp thu. |
| Điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Tài chính | Đề nghị sửa lại thành *“b) Trường hợp các kế hoạch kiểm tra có trùng lặp, chồng chéo được ban hành cùng thời điểm,* ***thì kế hoạch nào được gửi đến đối tượng kiểm tra sau phải điều chỉnh lại nội dung****, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.”*. | Tiếp thu và chỉnh lý quy định này như sau: *Trường hợp các kế hoạch kiểm tra được ban hành cùng thời điểm và có nội dung trùng lặp, chồng chéo,* ***thì kế hoạch gửi cho đối tượng kiểm tra sau phải điều chỉnh nội dung****, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản* *này.* |
| Điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Nội vụ | Dự thảo quy định *“b) Trường hợp kế hoạch kiểm tra có trùng lắp, chồng chéo được ban hành cùng một thời điểm, thì kế hoạch được gửi sau đến đối tượng được kiểm tra phải được điều chỉnh nội dung…”*  Đề nghị chỉnh sửa lại như sau: *“b) Trường hợp kế hoạch kiểm tra có trùng lắp, chồng chéo được ban hành cùng một thời điểm, thì kế hoạch được gửi đến sau tới đối tượng được kiểm tra phải được điều chỉnh nội dung…”* vì cần phải căn cứ vào mốc thời gian nhận kế hoạch, chứ không phải căn cứ vào mốc thời gian gửi kế hoạch. | Tiếp thu và chỉnh lý quy định này như sau: *Trường hợp các kế hoạch kiểm tra được ban hành cùng thời điểm và có nội dung trùng lặp, chồng chéo,* ***thì kế hoạch gửi cho đối tượng kiểm tra sau phải điều chỉnh nội dung****, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản* *này.* |
| Điểm b khoản 2  Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Cần chỉnh sửa bảo đảm phù hợp với nội dung khoản 1 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP như sau:  *“b) Bổ sung điểm c vào sau điểm b như sau:*  *“c) Trường hợp kế hoạch kiểm tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ~~ngành~~ dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trùng lặp, chồng chéo với kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và được ban hành cùng một thời điểm, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp điều chỉnh nội dung kế hoạch kiểm tra.”.”* | Đề nghị giữ nguyên cụm từ “hệ thống ngành dọc” do hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành đang thống nhất sử dụng cụm từ này (Nghị định số 189/2020/NĐ-CP). |
| Điểm b khoản 2  Điều 1 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp Hà Nội, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét không đưa kế hoạch của *“Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính”* vào nội dung quy định tại điểm c. Vì thẩm quyền, phạm vi, đối tượng kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính là khác nhau. Cụ thể, theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 93/2025/NĐ-CP):  *“3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ các cơ quan được tổ chức theo hệ thống dọc đóng trên địa bàn.*  *“5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, gồm: Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan; Thuế; Cơ quan quản lý thi hành án dân sự; Kho bạc Nhà nước; Ngân hàng Nhà nước; Hệ thống tổ chức thống kê tập trung; Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, đơn vị khác thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống dọc theo quy định của pháp luật kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với cơ quan, đơn vị cấp dưới của mình”.*  Đồng thời, đề nghị làm rõ việc trùng lắp là về đối tượng và thời điểm kiểm tra hay chỉ cần trùng lắp về đối tượng kiểm tra thì phải thực hiện điều chỉnh nội dung kiểm tra. Bên cạnh đó, đề nghị xem xét bỏ cụm từ *“được ban hành cùng một thời điểm”* vì nếu Kế hoạch kiểm tra bị trùng lắp như nội dung nêu trên thì cần phải xem xét điều chỉnh chứ không yêu cầu Kế hoạch kiểm tra *“ban hành cùng thời điểm”*, hơn nữa khái niệm *“cùng thời điểm”* là cùng ngày hay cùng tháng?  Ngoài ra, đề nghị bổ sung quy định trong trường hợp kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trùng lắp, chồng chéo với kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã điều chỉnh nội dung kế hoạch kiểm tra | (i) Về ý kiến không đưa kế hoạch của *“Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính”* vào nội dung quy định tại điểm c, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên quy định, lý do: Khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP) quy định: “*1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.*  *2. Bộ trưởng kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi được giao tổ chức thực hiện*.”. Do vậy, vẫn có thể dẫn đến sự trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra của các cơ quan với kế hoạch của *“Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính”.*  (ii) Về ý kiến đề nghị làm rõ việc trùng lắp là về đối tượng và thời điểm kiểm tra hay chỉ cần trùng lắp về đối tượng kiểm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu chỉnh lý theo hướng quy định rõ trùng lặp đối tượng kiểm tra. Đồng thời, dự kiến bỏ cụm từ “cùng một thời điểm”, bởi vì, kế hoạch kiểm tra được ban hành 01 năm/01 lần, do vậy, chỉ cần kế hoạch trong 1 năm trùng lặp đối tượng thì cần điều chỉnh.  (iii) Về ý kiến đề nghị bổ sung quy định trong trường hợp kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trùng lắp, chồng chéo với kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cân nhắc tiếp thu. |
| Điểm a khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh | (i) Điểm a khoản 3 Điều 1 dự thảo sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP, tuy nhiên, qua rà soát nội dung sửa đổi chỉ bỏ từ *“đã”* trong cụm từ *“các sai phạm đã được nêu ra trong kết luận kiểm tra”*, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đưa nội dung sửa này vào Điều 2 dự thảo cho phù hợp.  (ii) Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP quy định nội dung của Thông báo kết luận kiểm tra gồm: Nội dung kiểm tra; Khái quát chung kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế; các sai phạm cụ thể được nêu ra trong Kết luận kiểm tra; Kiến nghị của đoàn kiểm tra. Tuy nhiên, các nội dung trên đã được thể hiện cụ thể trong Kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng kiểm tra theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 93/2025/NĐ-CP), do đó, Thông báo kết luận kiểm tra chỉ nên tập trung vào những nội dung mà đối tượng được kiểm tra cần lưu ý thực hiện. | (i) Đề nghị giữ nguyên như quy định tại dự thảo Thông tư để đảm bảo rõ ràng của quy phạm và thuận tiện trong việc tra cứu. Mặt khác, quy định này không chỉ bỏ từ “đã” mà còn bỏ cả cụm từ “cụ thể” so với quy định trước đây nên cần kết cấu lại câu để hoàn chỉnh, có nghĩa.  (ii) Đề nghị giữ nguyên như quy định tại dự thảo Thông tư. Thông báo kết luận kiểm tra là văn bản được đăng tải công khai nên cũng cần thiết phải bảo cơ bản các nội dung trong kết luận bên cạnh việc tập trung vào những nội dung mà đối tượng được kiểm tra cần lưu ý thực hiện. |
| Điểm a khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung thêm cụm từ *“nếu có”* vào sau cụm từ *“các sai phạm được nêu ra trong kết luận kiểm tra”*.  Lý do: Trên thực tế sẽ có những trường hợp các đơn vị được kiểm tra đã thực hiện đúng, đủ các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, không có sai phạm. Do vậy, nên quy định theo hướng mở để bảo đảm bao quát được hết các trường hợp trên thực tế. | Tiếp thu. |
| Điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp Hà Nội, Bộ Y tế | Hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là hoạt động quản lý nhà nước để xử lý những vấn đề thuộc phạm vi nội bộ các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thi hành pháp luật, do đó, quy định về việc *“Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng được kiểm tra. Thời gian niêm yết ít nhất là 30 (ba mươi) ngày”*, *“Đăng tải đầy đủ nội dung thông báo kết luận kiểm tra trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan kiểm tra. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 (ba mươi) ngày”* là chưa phù hợp với tính chất, yêu cầu của hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, do đó đề nghị xem xét bỏ hai hình thức công khai này, việc công khai kết luận kiểm tra có thể được thực hiện bằng một trong hai hình thức nêu tại điểm a hoặc c là bảo đảm. | Đề nghị giữ nguyên như quy định tại dự thảo Thông tư để đảm bảo tính toàn diện, đầy đủ của quy phạm và tạo sự linh hoạt, chủ động cho các cơ quan, đơn vị khi thực hiện công khai. Tùy vào tính chất, phạm vi của cuộc kiểm tra và hoạt động thực tiễn, các cơ quan, đơn vị có thể “lựa chọn” một trong 4 hình thức công khai nêu trên để thực hiện. Nếu cơ quan, đơn vị thấy rằng, hình thức *“Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng được kiểm tra. Thời gian niêm yết ít nhất là 30 (ba mươi) ngày”*, *“Đăng tải đầy đủ nội dung thông báo kết luận kiểm tra trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan kiểm tra. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 (ba mươi) ngày”* là không phù hợp với tính chất, yêu cầu của hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị mình thì không lựa chọn. |
| Điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp Lai Châu, Bộ Tài chính | Chỉnh sửa như sau: *“3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày ~~làm việc~~ kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, người có thẩm quyền ban hành kết luận kiểm tra hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ~~ngày 12 tháng 02 năm 2020 của chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP~~ có trách nhiệm công khai kết luận kiểm tra theo một trong các hình thức sau đây:”*.  Lý do:  + Theo nội dung khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư đã quy định *“sau đây viết tắt là Nghị định số 19/2020/NĐ-CP”*.  + Chỉnh sửa nội dung *“ngày làm việc”* để bảo đảm thống nhất với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Thông tư | Tiếp thu. |
| Điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp Tuyên Quang | Đề nghị bổ sung thời điểm tính thời gian niêm yết/thời gian đăng tải *“kể từ ngày…”* để đảm bảo rõ ràng, cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện. | Tiếp thu. |
| Điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Tài chính, Sở Tư pháp Hà Nội | Nội dung điểm c dự thảo Thông tư dự kiến bổ sung vào khoản 3 Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP về hình thức công khai kết luận kiểm tra *“c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan”*:  Khoản 4 Điều 15 Nghị định 19/2020/NĐ-CP chỉ quy định việc gửi kết luận kiểm tra: *“Kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra và công khai theo quy định của pháp luật.”*.  Do đó, đề nghị bổ sung điểm c khoản 3 Điều 5 dự thảo Thông tư theo hướng *“c) Kết luận kiểm tra được gửi đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan”* và dẫn chiếu rõ theo mẫu quy định ở Thông tư này, đồng thời bổ sung chú thích (\*) Mẫu số 7 Phụ lục dự thảo là Mẫu này được sử dụng để Thông báo công khai kết luận kiểm tra theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định 19/2020/NĐ-CP và điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư 14/2021/TT-BTC (được sửa đổi bổ sung theo dự thảoThông tư). | Nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý. |
| Điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Nội vụ | Đề nghị cân nhắc không quy định hình thức công khai kết luận kiểm tra “Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan” vì: (i) phạm vi công khai theo hình thức này khá là hẹp; (ii) Không rõ “cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan” là đối tượng nào? | “*Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan*” là một trong các hình thức công khai theo quy định tại Điều 11 Luật Phòng chống tham nhũng. Cơ quan, cá nhân tổ chức có liên quan là những đối tượng nào sẽ được xác định cụ thể trong từng cuộc kiểm tra. |
| Điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | - Điểm a: Đề nghị quy định rõ hình thức họp bao gồm cả họp “trực tiếp” và “trực tuyến”.  - Điểm c: Đề nghị quy định rõ các “tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan” phải gửi thông báo có bao gồm cả đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính hay không? | - Thông tư số 14/2021/TT-BTP đã quy định cụ thể hình thức công khai là tổ chức họp công bố. Việc tổ chức họp dưới hình thức nào (trực tuyến hay trực tiếp) do cơ quan, đơn vị quyết định phù hợp với tình hình thực tiễn.  - Cơ quan, cá nhân tổ chức có liên quan là những đối tượng nào sẽ được xác định cụ thể trong từng cuộc kiểm tra. |
| Điểm c khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu quy định cụ thể về cơ chế phối hợp thực hiện công khai kết luận kiểm tra của Cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng kiểm tra để đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm, thời gian công khai, hình thức công khai. | Việc phối hợp thực hiện công khai kết luận kiểm tra của Cơ quan, tổ chức, đơn vị là cách thức triển khai, tổ chức thực hiện. Việc quy định đây là một quy phạm pháp luật là không thực sự cần thiết và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư. |
| Điểm c khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Công Thương | Đề nghị bổ sung theo hướng quy định chế tài áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng được kiểm tra thực hiện hành vi gây cản trở việc công khai kết luận kiểm tra, để phù hợp với việc bổ sung quy định liên quan đến trách nhiệm phối hợp thực hiện của các chủ thể này. Theo đó, đề nghị sửa đổi khoản 3a như sau: *“3a. Cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng được kiểm tra có trách nhiệm phối hợp thực hiện công khai kết luận kiểm tra. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng kiểm tra có hành vi gây cản trở việc công khai kết luận kiểm tra thì bị xem xét, xử lý theo quy định pháp luật”.* | Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Thông tư, bởi vì nếu bổ sung quy định *“Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng kiểm tra có hành vi gây cản trở việc công khai kết luận kiểm tra thì bị xem xét, xử lý theo quy định pháp luật”* như đề xuất là không thực sự cần thiết. Mặt khác, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP) cũng không quy định xử lý kỷ luật đối với hành vi này. |
| Điều 2 | Sở Tư pháp Lai Châu | Điều 2 có tên là: *“Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm. khoản, điều của Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”*. Tuy nhiên, nội dung Điều 2 không có khoản nào quy định nội dung bổ sung. Do đó, đề nghị quý Bộ rà soát để lược bỏ cụm từ *“Bổ sung”* tại tên Điều 2 để đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung của điều và tên của điều. | Tiếp thu. |
| Điều 2 dự thảo Thông tư | Bộ Công Thương | Đề nghị gộp khoản 4 và khoản 5 Điều 2 dự thảo Thông tư vào thành một khoản do nội dung đều ở cùng một khoản (khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2021/ТТ-ВТР). | Đề nghị giữ nguyên như quy định tại dự thảo Thông tư do nội dung ở cùng một khoản nhưng tại các điểm khác nhau. |
| Khoản 1 Điều 2 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp Cà Mau, Bộ Công Thương | Thay thế cụm từ *“không quá 07 (bảy) ngày làm việc”* bằng cụm từ *“không quá 10 (mười) ngày”* tại khoản 2 Điều 4”, đề nghị bổ sung cụm từ *“điểm b”* vào trước cụm từ *“khoản 2 Điều 4”* và điều chỉnh thành *“Thay thế cụm từ “không quá 07 (bảy) ngày làm việc”* bằng cụm từ *“không quá 10 (mười) ngày”* tại điểm b khoản 2 Điều 4” cho phù hợp | Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Thông tư do nội dung được thay thế thuộc khoản 2 Điều 4, không chỉ mỗi điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTP. |
| Khoản 2 Điều 2 dự thảo Thông tư | UBND tỉnh An Giang, Sở Tư pháp Lai Châu, Sở Tư pháp Cà Mau, Sở Tư pháp Lào Cai, Sở Tư pháp Hải Phòng, Sở Tư pháp Đồng Tháp, Sở Tư pháp Ninh Bình, Sở Tư pháp Hà Nội, Bộ Công Thương | Đề nghị không quy định nội dung thay thế cụm *từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện”* bằng cụm từ *“Ủy ban nhân dân các cấp” tại khoản 2 Điều 8”* vì theo khoản 7 Điều 2 Dự thảo, khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 14/2021/TTBTP đã bị bãi bỏ. | Tiếp thu. |
| Khoản 3 Điều 2 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, UBND tỉnh An Giang, Sở Tư pháp Lạng Sơn, Sở Tư pháp Lai Châu, Sở Tư pháp Đồng Tháp, Sở Tư pháp Hà Nội, Bộ Công Thương | Đề nghị bỏ cụm từ *“khoản 6 Điều 3, khoản 2”* trong cụm từ *“và khoản 6 Điều 3, khoản 2 và khoản 3 Điều 8”* vì theo khoản 7 Điều 2 Dự thảo, khoản 6 Điều 3 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 14/2021/TTBTP đã bị bãi bỏ. | Tiếp thu. |
| Khoản 8 Điều 2 dự thảo Thông tư | Sở Tư pháp Lai Châu | Đề nghị quý Bộ lược bỏ nội dung *“ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”* cho ngắn gọn và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điểu 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, vì không phải là viện dẫn lần đầu | Tiếp thu. |
| **BIỂU MẪU** | | | |
|  | Bộ Xây dựng | Đề nghị xem xét tiếp tục quy định mẫu Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kết luận kiểm tra tại Phụ lục kèm theo dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2021/TT-BTP để làm cơ sở cho các đối tượng được kiểm tra triển khai thực hiện thống nhất | Không tiếp thu. Dự thảo Thông tư đã bãi bỏ Điều 6 (công khai kết quả và việc xử lý kết quả theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra). Theo đó, các mẫu được sử dụng để hướng dẫn theo điều này cũng được bãi bỏ để thống nhất. |
|  | Bộ Xây dựng | Rà soát lại nội dung về thời hạn báo cáo kết quả việc thực hiện kết luận kiểm tra tại mục V mẫu Kết luận kiểm tra (mẫu số 06) bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP) | Tiếp thu, việc quy định tại dự thảo Kết luận kiểm tra nhằm bảo đảm cả trường hợp khi nhận được yêu cầu của người ban hành kết luận kiểm tra. |
|  | Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh | Các biểu mẫu tại Phụ lục đính kèm được xây dựng theo hình thức văn bản hành chính (cá biệt), do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Ví dụ:  - Tại Điều 1 mẫu Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra (Mẫu số 01): Đề nghị xem xét hướng dẫn cách ghi đối tượng được kiểm tra là theo Kế hoạch kiểm tra, không yêu cầu phải liệt kê cụ thể, đầy đủ đối tượng được kiểm tra tại Điều này, vì thông tin về đối tượng được kiểm tra thể hiện tại Mục II của Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định. Hơn nữa, thông thường đối tượng được kiểm tra sẽ gồm nhiều cơ quan, do đó việc ghi ở Quyết định sẽ dài dòng và trùng lắp với Kế hoạch kiểm tra.  - Tại phần mở đầu mẫu Kế hoạch (Mẫu số 01): Đề nghị bỏ phần ghi địa danh, ngày, tháng, năm ban hành Kế hoạch để phù hợp, thống nhất với Mẫu 1.3 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.  - Đối với việc viện dẫn văn bản làm căn cứ ban hành tại phần mở đầu và viện dẫn văn bản tại phần ghi chú hướng dẫn của các biểu mẫu tại Phụ lục đính kèm: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, điều chỉnh để bảo đảm tính chính xác, thống nhất và phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 6 mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP. Cụ thể: *“Khi nêu các căn cứ ban hành văn bản và viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó”*. | - Việc ghi như vậy sẽ thể hiện rõ việc ban hành kế hoạch kiểm tra đối với đối tượng nào và bảo đảm thống nhất giữa Quyết định và Kế hoạch được ban hành kèm theo.  - Tiếp thu  - Tiếp thu. |
|  | Bộ Tài chính | Đề nghị rà soát bổ sung Nghị định 93/2025/NĐ-CP trong phần căn cứ của Mẫu số 06, 07 Phụ lục kèm theo dự thảo. Căn cứ ban hành là Luật cần trình bày đúng quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (không ghi số, ký hiệu) | Tiếp thu. |
| Mẫu số 01 | Sở Tư pháp Lai Châu | - Đối với Mẫu số 01 về Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: đề nghị quý Bộ quy định linh hoạt hơn theo hướng có thể ban hành Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra hoặc ban hành Kế hoạch kiểm tra.  - Đối với Mẫu số 01 về Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm … và Mẫu số 03 về Quyết định kiểm tra…: đề nghị quý Bộ bổ sung nội dung ***“Thời kỳ kiểm tra”*** để đầy đủ, cụ thể hơn | - Không tiếp thu vì việc ban hành theo hình thức “*Quyết định ban hành Kế hoạch*” bảo đảm tính pháp lý cao hơn thông qua các điều khoản quy định trong Quyết định, đồng thời tăng cường mức độ ràng buộc và trách nhiệm thực hiện đối với các đối tượng được áp dụng, so với việc ban hành đơn thuần dưới hình thức Kế hoạch.  - Không tiếp thu, vì đây là kế hoạch kiểm tra hằng năm, được ban hành và thực hiện trong năm ban hành. |
| Mẫu số 01 | Sở Tư pháp Thái Nguyên, Sở Tư pháp Điện Biên, Sở Tư pháp Hải Phòng | Đề nghị sửa đổi, bổ sung phần ghi chú (6) như sau: *“Ghi chức danh và cơ quan của người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP”*. | Tiếp thu. |
| Mẫu số 01 | Bộ Tài chính | - Đề nghị ghi rõ tên quyết định là  **“QUYẾT ĐỊNH Ban hành kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”**  Và bỏ nội dung chú thích số (5)  - Đề nghị sửa tên cơ quan tổ chức ban hành văn bản và giải thích (1) thành “(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp".  - Đề nghị sửa lại chú thích (6) thành “(6) Chức danh của người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra”  - Đề nghị sửa lại chú thích (9) thành “(9) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tham mưu ban hành Quyết định kiểm tra”.  - Đối với những chú thích tương tự tại các mẫu khác, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sửa lại như mẫu số 01. | (i) Đối với ý kiến đề nghị ghi rõ tên quyết định và bỏ chú thích số (5): việc quy định như tại dự thảo nhằm thể hiện rõ quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo từng năm.  (ii) Đối với ý kiến đề nghị sửa chú thích (6): đề nghị giữ nguyên như tại dự thảo Quyết định để phù hợp với mẫu 1.3 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.  (iii) Đối với ý kiến đề nghị sửa chú thích (9): đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quyết định để bảo đảm chỉ những chức danh được giao giúp người có thẩm quyền kiểm tra thực hiện việc kiểm tra mới được tham mưu ban hành Quyết định. |
| Mẫu số 03 | Bộ Tài chính | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung căn cứ *“Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”*.  Đề nghị cân nhắc đưa nội dung kiểm tra vào mẫu số 03 để thống nhất mẫu số 05 có quy định về nội dung kiểm tra. Việc kiểm tra phải được thực hiện trong phạm vi nội dung, thời kỳ quy định tại quyết định kiểm tra. | Tiếp thu, bổ sung căn cứ là Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra (mẫu số 01)  Quyết định căn cứ vào Quyết định ban hành (mẫu 01) đã thể hiện rõ nội dung kiểm tra nên không cần quy định lại nội dung kiểm tra tại mẫu Quyết định này. |
| Mẫu số 04 | Bộ Tài chính | Đề nghị không đưa cụ thể điều vào căn cứ số 2. | Tiếp thu. |
| Mẫu số 05 | Sở Tư pháp Điện Biên | Đề nghị rà soát, bổ sung các thông tin để bảo đảm đầy đủ nội dung cơ bản của Biên bản kiểm tra đã quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính | Tiếp thu, đã rà soát bảo đảm mẫu Biên bản đầy đủ nội dung quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP |
| Mẫu số 05 | Bộ Tài chính | - Để đảm bảo tính logic trong kết cấu các phần trong biên bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đưa nội dung V về Kết quả kiểm tra lên trước nội dung IV về Ý kiến của đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, đơn vị có liên quan.  - Đối với chú thích (3), trường hợp quy định như dự thảo Thông tư *"Chữ viết tắt cơ quan kiểm tra”* thì sẽ phải lấy số biên bản của Bộ/ngành thực hiện kiểm tra (được xuất ra từ hệ thống lấy số điện tử của Bộ/ngành). Việc này sẽ không thực hiện được khi kiểm tra trực tiếp tại các địa phương. Do đó, đề nghị sửa chú thích nêu trên thành *“Chữ viết tắt của Đoàn kiểm tra”*, theo đó, Đoàn Kiểm tra sẽ quản lý số biên bản theo thứ tự các cuộc kiểm tra theo Kế hoạch đã ban hành. | Tiếp thu. |
| Mẫu số 06 | Sở Tư pháp Điện Biên, Bộ Tài chính | Đề nghị sửa lại phần căn cứ như sau: *“Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15; Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP và …”* | Tiếp thu. |
| Mẫu số 06 | Bộ Tài chính | - Đề nghị cân nhắc sửa lại đoạn đầu của kết luận kiểm tra như sau: *“Thực hiện Quyết định số.../QĐ. ngày........ của...., Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra (tên cuộc kiểm tra, đối tượng được kiểm tra) trong thời gian từ ngày .../.../... đến ngày .........*  *Trên cơ sở Biên bản kiểm tra ngày.......; Báo cáo số ... ngày......về ... của... (Báo cáo kiểm tra) và các thông tin, tài liệu có liên qua, ... kết luận kiểm tra (tên cuộc kiểm tra, đối tượng được kiểm tra) như sau:”*.  Việc ban hành Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra đã căn cứ vào Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP nên phần đầu của kết luận đưa 02 văn bản này vào là không cần thiết. | Đề nghị giữ nguyên nội dung theo mẫu hiện hành để bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý. Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về công tác kiểm tra, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP) quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, ban hành kết luận kiểm tra. |
| Mẫu số 07 | Bộ Tài chính | Đề nghị bổ sung nội dung *“xác định rõ sai phạm, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm”* và *“thời hạn thông báo kết quả thực hiện kết luận kiểm tra”* quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 7 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CР). | Theo khoản 5 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP đây là nội dung đã có trong Kết luận kiểm tra. |
| Mẫu số 08 | Sở Tư pháp Hải Phòng | Đề nghị bỏ cụm từ “Mẫu số 11” | Tiếp thu |
| Về mẫu biên bản kiểm tra | Bộ Công Thương | Điểm h khoản 2 Điều 14 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP quy định trường hợp biên bản có nhiều trang, kể cả phụ lục, bảng kê kèm theo biên bản thì phải có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra hoặc người được ủy quyền tiến hành lập biên bản và cá nhân hoặc đại diện tổ chức được kiểm tra vào từng trang của biên bản, phụ lục và bảng kê kèm theo hoặc đóng dấu giáp lai. Tuy nhiên, nội dung thể hiện tại mẫu biên bản kiểm tra ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TTBTP chỉ thể hiện nội dung *“ký xác nhận vào từng trang của Biên bản”*, vì vậy chưa thống nhất với Nghị định số 19/2020/NĐ-CP. | Đây là mẫu biên bản kiểm tra, trường hợp nếu có phụ lục và bảng kê kèm theo thì việc ký vào phụ lục và bảng kê kèm theo hoặc đóng dấu giáp lai được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP. |
| **Ý KIẾN KHÁC** | | | |
|  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp Lào Cai, Sở Tư pháp Điện Biên, Bộ Giáo dục và Đào tạo | Đề nghị xây dựng dự thảo Thông tư theo Mẫu số 23 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP *“Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ,* ***Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ****, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)”* | Tiếp thu |
|  | Sở Tư pháp Đồng Tháp | Về căn cứ pháp lý: Đề nghị rà soát, bổ sung ngày, tháng, năm ban hành của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15 cho phù hợp. | Tiếp thu |
|  | Sở Tư pháp Cà Mau, Sở Tư pháp Lào Cai | Tại phần căn cứ, bổ sung cụm từ *“của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”* vào sau cụm từ *“ngày 30 tháng 12 năm 2021”* và điều chỉnh thành *“Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định…”* cho phù hợp. Tương tự như vậy với tên Điều 1, tên Điều 2 và khoản 2 Điều 8. | Tiếp thu |
|  | Sở Tư pháp Điện Biên, Sở Tư pháp Hải Phòng | Tại Điều 1, Điều 2, đề nghị rà soát và thống nhất các nội dung viện dẫn bảo đảm theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và bỏ nội dung *“(sau đây viết tắt là Nghị định số 19/2020/NĐ-CP)”* tại khoản 1 Điều 1 để đảm bảo theo quy định | Tiếp thu |
|  | Bộ Công Thương | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về trách nhiệm rà soát, thông báo, báo cáo trong trường hợp nhận được kế hoạch kiểm tra có sự trùng lặp, chồng chéo. | Tiếp thu. Nghiên cứu bổ sung quy định trách nhiệm thông tin hoặc báo cáo trong trường hợp phát hiện kế hoạch kiểm tra có sự trùng lặp, chồng chéo. |
| Điều 2 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Điện Biên | Bãi bỏ toàn bộ khoản 5 Điều 2; rà soát và điều chỉnh lại các nội dung quy định cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 14/2021/TTBTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp hiện nay | Không tiếp thu vì theo quy định tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Thông tư, Điều 2 Thông tư số 14/2021/TT-BTP đã bị bãi bỏ. |
| Khoản 5, Điều 2 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Lạng Sơn | Đề nghị nghiên cứu bổ sung vào dự thảo Tờ trình và Thông tư về nội dung để sửa đổi hoặc bãi bỏ khoản 5, Điều 2 của Thông tư 14/2021/TT-BTP quy định về thẩm quyền kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (do đã kết thúc chính quyền địa phương cấp huyện) để phù hợp với mô hình chính quyền 2 cấp hiện nay. | Không tiếp thu vì theo quy định tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Thông tư, Điều 2 Thông tư số 14/2021/TT-BTP đã bị bãi bỏ. |
| Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Điện Biên | đề nghị rà soát, chỉnh sửa thống nhất các chức danh Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, theo quy định hiện hành | Đề nghị giữ nguyên cụm từ “hệ thống ngành dọc” do hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành đang thống nhất sử dụng cụm từ này (Nghị định số 189/2020/NĐ-CP). |
| Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Bộ Công Thương | Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BTP quy định cơ quan của người có thẩm quyền ban hành kế hoạch kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện khảo sát, thu thập thông tin trước khi ban hành kế hoạch kiểm tra, trong khi không có quy định cụ thể về cách thức khảo sát, thu thập thông tin, đối tượng, nội dung khảo sát. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định này. | Đề nghị không quy định theo ý kiến góp ý để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với từng cơ quan, từng trường hợp cụ thể trong thực tiễn. |
| Điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Bắc Ninh | Đề nghị xem xét, chỉnh sửa cụm từ *“các cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc”* thành *“các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc”* hoặc *“các cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc”* sao cho đảm bảo việc sử dụng từ ngữ nhất quán trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật | Tiếp thu, sửa thành “… *theo hệ thống ngành dọc”* để thống nhất vớicác văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành (Nghị định số 189/2020/NĐ-CP). |
| Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Hà Nội | Đề nghị rà soát, sửa đổi khoản 7 Điều 3 Thông tư 14/2021/TT-BTP “7. Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra, quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm tra, biên bản kiểm tra, quyết định kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra thực hiện theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 05 và Mẫu số 11 Phụ lục một số biểu mẫu trong kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ban hành kèm theo Thông tư này” vì dự thảo Thông tư đã rút gọn còn 8 phụ lục biểu mẫu | Tiếp thu |
| Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Thái Nguyên, Sở Tư pháp Điện Biên | Đề nghị xem xét bổ sung một khoản tại Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTP để quy định, hướng dẫn cụ thể thời hạn kiểm tra trên một cuộc kiểm tra để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: *“Thời hạn kiểm tra trên một cuộc kiểm tra không quá 15 ngày. Thời hạn kiểm tra là khoảng thời gian đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với đối tượng được kiểm tra. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết khoản này.”*. | Đề nghị giữ nguyên quy định như dự thảo Thông tư, lý do: Nghị định số 93/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định của khoản 3 Điều 13 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP làm rõ về thời hạn kiểm tra, cụ thể: “*3. Thời hạn kiểm tra quy định tại điểm c khoản 2 Điều này không quá 15 ngày; trường hợp cần thiết thì người có thẩm quyền kiểm tra có thể gia hạn thêm không quá 10 ngày. Thời hạn kiểm tra là khoảng thời gian đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với đối tượng được kiểm tra*”. |
| Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Bộ Công Thương | Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTP quy định căn cứ xem xét gia hạn thời hạn kiểm tra khi đối tượng được kiểm tra không phối hợp hoặc gây khó khăn cho việc kiểm tra. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định trường hợp gia hạn thời hạn kiểm tra vì lý do trên thì việc *“đối tượng được kiểm tra không phối hợp hoặc gây khó khăn cho việc kiểm tra”* cần được ghi nhận tại biên bản kiểm tra và kết luận kiểm tra. | Đề nghị giữ nguyên quy định như dự thảo Thông tư. Việc *“đối tượng được kiểm tra không phối hợp hoặc gây khó khăn cho việc kiểm tra”* là căn cứ để gia hạn việc kiểm tra. Trong trường hợp *đối tượng được kiểm tra không phối hợp hoặc gây khó khăn cho việc kiểm tra* thì biên bản kiểm tra và kết luận kiểm tra “đương nhiên” sẽ ghi nhận về vấn đề này, do vậy, việc bổ sung quy định này không thực sự cần thiết. |
| Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Bộ Tài chính | Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTР quy định: *“Các trường hợp cần thiết phải gia hạn thời hạn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP bao gồm:”*. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP. Do đó, đề nghị cơ quan nghiên cứu bổ sung tại dự thảo Thông tư nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2021/TT-BTP theo hướng bổ sung viện dẫn đến Nghị định số 93/2025/NĐ-CP để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo văn bản. | Đề nghị giữ nguyên như cách viện dẫn tại dự thảo Thông tư hiện nay để bảo đảm tính ổn định của văn bản. Mặt khác, việc sửa đổi cách viện dẫn như ý kiến góp ý nêu trên là không cần thiết. |
| Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Bộ Công Thương | Thông tư số 14/2021/TT-BTP quy định về việc xây dựng thông báo kết luận kiểm tra tại khoản 2 Điều 5 với các nội dung không khác gì kết luận kiểm tra (cũng bao gồm các nội dung như: đánh giá chung, kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, các sai phạm cụ thể, kiến nghị), trong khi khoản 4 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP đã quy định kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra. Do đó, đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP theo hướng bãi bỏ quy định về xây dựng và ban hành thông báo kết luận kiểm tra (khoản 2). | Không tiếp thu vì khoản 4 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP đã giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết nội dung về công khai kết luận kiểm tra. Do đó, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP là nội dung được Nghị định số 19/2020/NĐ-CP giao quy định chi tiết. |
| Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Điện Biên | Đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại để phù hợp với nội dung quy định tại đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 7 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính *“3. Trong thời hạn không quá 01 tháng, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng được kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra hoặc 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà Đoàn kiểm tra không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng được kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, thì Trưởng đoàn kiểm tra trình người có thẩm quyền kiểm tra ban hành kết luận kiểm tra. Trưởng đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra trong trường hợp được người có thẩm quyền kiểm tra ủy quyền.”* | Tiếp thu. |
| Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 14/2021/TT-BTP | Sở Tư pháp Lai Châu | Qua rà soát nội dung Thông tư số 14/2021/TT-BTP, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu nhận thấy còn một số nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành và mô hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp nhưng chưa được quý Bộ rà soát để đưa vào nội dung dự kiến sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ.  Ví dụ: Tại khoản 2 Điều 8 có nội dung quy định về *“…. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp … cơ quan, đơn vị quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính tổ chức thực hiện Thông tư này”.* Tuy nhiên, hiện nay theo cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã thì không có phòng Tư pháp | Không tiếp thu vì theo quy định tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Thông tư, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 14/2021/TT-BTP đã bị bãi bỏ. |
|  | Sở Tư pháp Điện Biên | Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, rà soát về thời gian và quy định thực hiện các nội dung về công tác kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để bảo đảm thống nhất với các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | Tiếp thu. |
| Điều khoản chuyển tiếp | Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các cuộc kiểm tra đang diễn ra theo Thông tư số 14/2021/TT-BTP để tránh gián đoạn, đảm bảo thực thi hiệu quả. | Việc áp dụng văn bản để thực hiện các cuộc kiểm tra đang diễn ra sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |
|  | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đề nghị bổ sung việc hướng dẫn về một số nội dung sau:  a) Thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP để quy định rõ Bộ trưởng có được kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xã trong việc thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của Bộ hay không?  b) Trường hợp tạm dừng kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính sau đó không tiếp tục kiểm tra mà dừng hẳn. | Tiếp thu một phần, bổ sung quy định về việc xử lý đối với trường hợp tạm dừng kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  Nội dung thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP. Do đó, dự thảo Thông tư không quy định nội dung này theo ý kiến góp ý. |

1. Các bộ: Quốc phòng, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, Y tế, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Nội Vụ. [↑](#footnote-ref-1)
2. UBND các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên, Lào Cai, Cà Mau, Đồng Tháp, Lạng Sơn, An Giang, Hồ Chí Minh, Tuyên Quang, Cần Thơ, Tây Ninh, Ninh Bình, Hà Nội. [↑](#footnote-ref-2)
3. Bộ Quốc Phòng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Xây dựng và UBND các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Cần Thơ, Tây Ninh nhất trí với nội dung của dự thảo Thông tư. [↑](#footnote-ref-3)